

Bản án số: **57/2019/HNGĐ - ST**

Ngày: 21/11/2019

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hoài**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Bùi Xuân Đăng**

2. Ông Nguyễn Đức Thành

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Phương** - Thư ký Tòa án, huyện Tòa án nhân dân huyện T - thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T – thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Đặng Thị Sơn Cẩm** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, huyện Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 432/2019/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị S - sinh năm 1989

HKTT: Tập thể Z, xã T, huyện T, Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 75 Thôn C, xã T, huyện T, Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Hà Duy K - sinh năm 1979

HKTT + Chỗ ở hiện nay: Tập thể Z, xã T, huyện T, Hà Nội.

(các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 06/8/2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lương Thị S trình bày:**

Chị Lương Thị S và anh Hà Duy K kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2012 tại UBND xã T, huyện T, Hà Nội. Sau khi kết

hôn, anh chị sống cùng bố mẹ anh K tại Tập thể Z, xã T, huyện T, Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi cọ, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, không còn tình cảm vợ chồng. Nay chị S xác định không còn tình cảm với anh K, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh Hà Duy K.

Về con chung: Chị S và anh K có 01 con chung là Hà Duy H, sinh ngày 17/6/2013. Ly hôn, chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Chị S hiện đang làm nhân viên y tế của trường Mầm non Tư Thục T với mức thu nhập hàng tháng 8.000.000đồng.

Về tài sản chung, nhà đất và công nợ chung: Chị S khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, nhà đất và công nợ chung, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét.

*** Bị đơn là anh Hà Duy K trình bày:**

Anh K xác nhận lời khai của chị S về quá trình vợ chồng kết hôn và chung sống. Vợ chồng chung sống hòa thuận được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh K xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh K đồng ý ly hôn với chị S.

Con chung: Anh K xác nhận vợ chồng có 01 chung là Hà Duy H, sinh ngày 17/6/2013. Anh K yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị S đóng góp nuôi con. Anh K hiện đang làm lái xe với mức thu nhập hàng tháng là 15.000.000đồng.

Về tài sản chung, nhà đất công nợ: Anh K khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, nhà đất và công nợ chung, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên lời khai và quan điểm như đã trình bày nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, huyện Tiến hành các thủ tục tố tụng tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, huyện Thủ tục. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Chị S và anh K phát sinh mâu thuẫn đã lâu, vợ chồng không còn mong muốn chung sống đoàn tụ với nhau. Chị S và anh K đều có quan điểm thuận tình ly hôn nên đề nghị HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

Về con chung: Anh K và chị S có 01 con chung và hàng ngày cả anh K, chị S đều đang chăm sóc, giáo dục cháu bé. Tuy nhiên, xét con chung của anh chị còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nên giao chị S trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Chị S không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Không có nên không xem xét.

Chị S phải nộp án phí LHST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lương Thị S và anh Hà Duy K xác lập quan hệ hôn nhân tự nguyện, hợp pháp và đăng ký kết hôn ngày 24/12/2012 tại UBND xã T, huyện T, Hà Nội. Chị S yêu cầu được ly hôn với anh K do vợ chồng bất đồng trong quan điểm, cách sống dẫn đến vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh K đồng ý ly hôn do vợ chồng không còn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh K đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng không còn thương yêu, huyệntôn trọng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên hòa giải, chị S và anh K đều có quan điểm thuận tình ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện của chị S và anh K nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 55 luật hôn nhân gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của chị S và anh K.

[2]. Về con chung: Chị S và anh K có 01 con chung là Hà Duy H, sinh ngày 17/6/2013. Chị S và anh K đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung của anh K và chị S là chính đáng. Bản thân chị S và anh K đều có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không bị cơ quan có thẩm quyền hạn chế quyền của cha mẹ đối với con. Theo lời khai xác nhận của anh K và chị S tại Tòa án, việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hà Duy H hàng ngày đều do cả anh K và chị S thực hiện. Tuy nhiên, xét điều kiện thu nhập, nơi ăn chốn ở cũng như các điều kiện hỗ trợ việc chăm sóc, quản lý con chung, anh K có nhiều thuận lợi hơn so với chị S. Để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, học tập, sinh hoạt cũng như quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82 luật hôn nhân gia đình giao cháu Hà Duy H cho anh K trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Anh K không yêu cầu chị S cấp dưỡng

nuôi con nên Tòa không xét. Chị S có quyền đi lại thăm nom con chung - không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Trong đơn ly hôn và các lời khai, chị S và anh K cùng xác nhận anh chị không có nhà đất, công nợ và tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Lương Thị S phải chịu 300.000đồng án phí LHST theo quy định tại khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, huyện Thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, điều 273 bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 55, điều 81, điều 82 và điều 83 luật hôn nhân gia đình;
- Khoản 1 Điều 28 và các điều 35, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, huyện Thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị S và anh Hà Duy K.

2. Về con chung: Giao anh Hà Duy K tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hà Duy H, sinh ngày 17/6/2013. Anh K không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét. Chị S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Lương Thị S phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm
- Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị S đã nộp tại biên lai số AA/2016/09066, ngày 13/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị S đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, huỷện Tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, huỷện Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. T;
- Chi cục thi hành án dân sự H. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài